

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Thành Đông**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Thành Đông, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thành Đông. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Trường Đại học Thành Đông đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường.

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Trường Đại học Thành Đông cho thấy:

- Điểm trung bình lĩnh vực:

+ Đảm bảo chất lượng về chiến lược:	3,86
+ Đảm bảo chất lượng về hệ thống:	3,63
+ Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng:	3,59
+ Kết quả hoạt động:	3,58

- Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình  $\leq 2,0$   
(chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Thành Đông thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng công nhận Trường Đại học Thành Đông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Thành Đông theo quy định hiện hành.

*✓*  
**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**



**Trần Đình Quang**

**PHỤ LỤC 1**



**Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thành Đông**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm trung bình</b>
<b>Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</b>	<b>3,86</b>
Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,00
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	3,50
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	3,75
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	4,00
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4,00
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	3,86
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	3,80
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00
<b>Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</b>	<b>3,63</b>
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	3,67
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	3,50
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	3,75
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	3,60
<b>Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng</b>	<b>3,59</b>
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	3,60
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,60
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	3,60
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3,50
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	3,75
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	3,75
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ	3,50
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	3,25
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	3,75
<b>Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động</b>	<b>3,58</b>
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	3,75
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	3,33
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	3,75
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	3,50



## PHỤ LỤC 2

### \* Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Thành Đông

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thành Đông giai đoạn 2015-2019 cho thấy, Nhà trường đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng chiến lược*, Nhà trường đã xác định rõ ràng và công bố chính thức tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của Nhà trường, với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và của cả nước; kế hoạch chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động được xây dựng và thực hiện gắn với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của Nhà trường; Hội đồng quản trị, các Hội đồng tư vấn, các tổ chức đoàn thể của Nhà trường được thành lập theo đúng qui định; các quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn các đơn vị trong Trường thực hiện; có cơ cấu quản lý rõ ràng, đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị được qui hoạch; đã xây dựng các nhóm giải pháp chiến lược, đưa ra chỉ tiêu phấn đấu (KPIs) để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược; đã ban hành các qui định, chính sách và tổ chức thực hiện tốt các qui định, chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCD); có kế hoạch, qui hoạch nguồn nhân lực, có các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, có bản mô tả vị trí việc làm.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*, Trường có hệ thống Đảm bảo chất lượng (DBCL) bên trong gồm Hội đồng DBCL do Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng, Phòng Quản lý chất lượng và mạng lưới cán bộ phụ trách công tác DBCL tại các đơn vị được qui định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cùng hệ thống văn bản qui định, hướng dẫn thực hiện các hoạt động DBCL; đội ngũ phụ trách công tác DBCL được bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động DBCL trong giáo dục đại học; đã ban hành chính sách DBCL, kế hoạch chiến lược DBCL, kế hoạch DBCL hàng năm; đã tiến hành tự đánh giá (TĐG) chất lượng cơ sở giáo dục 3 lần (2015, 2017 và 2019) và đã có những cải tiến về qui trình TĐG; đã xác định lộ trình và kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo (CTĐT); có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin DBCL bên trong bao gồm các khâu thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; đã xây dựng các phương án ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ thu thập, xử lý, lập báo cáo và ra quyết định trong các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; đã ban hành tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh, xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng và các hướng

dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*, Nhà trường đã xây dựng đề án và kế hoạch tuyển sinh, thể hiện rõ ràng các phương án tuyển sinh; đã ban hành các qui định về xây dựng, phát triển CTĐT, qui định về xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra của các CTĐT và đang đào tạo 14 CTĐT đại học và 04 CTĐT thạc sĩ; trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã xây dựng mới 08 CTĐT đại học và 04 CTĐT thạc sĩ; đã ban hành triết lí giáo dục lần đầu vào năm 2018 và đã được các khoa quán triệt trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT vào năm 2019; đã ban hành chiến lược phát triển nguồn nhân lực giảng viên giai đoạn 2015-2020 với các chỉ tiêu cụ thể về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên; năm 2019 có 260 giảng viên cơ hữu với 49,2 % có trình độ tiến sĩ trở lên, 44,2% có trình độ thạc sĩ và chỉ còn 6,5% có trình độ đại học, 16% (42 người) có chức danh giáo sư và phó giáo sư; môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được chuẩn đầu ra; đã ban hành nhiều văn bản có liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá người học và được qui định rõ ràng trong chương trình dạy học, trong đó cung chi tiết học phần và được công bố công khai; đã ban hành Sổ tay sinh viên và các văn bản qui định chung của Nhà trường về nhiệm vụ, quyền của người học và các hoạt động liên quan đến người học; có hệ thống quản lý, giám sát, đánh giá các hoạt động NCKH; đã thiết lập hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu; có các qui định thiết lập quan hệ hợp tác trong NCKH; đã xây dựng Kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD giai đoạn 2017-2019 hướng tới sứ mạng, tầm nhìn.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*, Nhà trường đã xác lập tỉ lệ sinh viên thôi học, học lại, thi lại, tốt nghiệp đúng hạn, có việc làm trong kế hoạch đào tạo hằng năm; có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập của người học; đã đổi sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của năm sau so với năm trước đối với tất cả các CTĐT; kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp cho tỉ lệ 89,7% (kết quả khảo sát của Đoàn: 99,2 % có việc làm trong 12 tháng, 61% có việc làm phù hợp với ngành đào tạo); có qui định rõ về loại hình, khối lượng NCKH của cán bộ, giảng viên, sinh viên qui định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu; đã ban hành Qui định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD trong đó qui định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội; đã xác lập kết quả tài chính và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD trong Kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và các kế hoạch tài chính năm học; đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên trong đó có hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; kết quả đổi sánh cho thấy tất cả các chỉ số thu và chi đều tăng trong giai đoạn đánh giá, tổng thu qua 5 năm tăng gần 5 lần và tổng chi tăng gần 4 lần; đã xác lập các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD làm cơ sở để giám sát, xây dựng CSDL, đổi



sánh, thu thập thông tin phản hồi để có kế hoạch cải tiến.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến, nâng cao chất lượng (*chi tiết được nêu trong Báo cáo Đánh giá ngoài*). Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục chất lượng giáo dục theo các nhóm giải pháp trong các lĩnh vực sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

1. Nhà trường cần tiếp tục rà soát tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với xu thế phát triển KT-XH tiếp cận CMCN 4.0 cũng như những đổi mới mạnh mẽ về giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng; cần gắn kết chặt chẽ các tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi với các văn bản quản lí nhằm định hướng các hoạt động vào việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn đã tuyên bố. Khi xây dựng và phát triển sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi cần chú ý sự khác biệt giữa qui trình xây dựng, rà soát và phát triển sứ mạng, tầm nhìn (qui trình top-down) với qui trình xây dựng, rà soát và phát triển giá trị cốt lõi (qui trình bottom-up).

2. Nhà đầu tư cần sớm thành lập lại Ban kiểm soát theo qui định của Luật doanh nghiệp và qui định khác của pháp luật có liên quan để kiểm tra, giám sát hoạt động quản lí, điều hành của Hội đồng trường và Hiệu trưởng. Bổ sung điều chỉnh Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường cũng như của các tổ chức đoàn thể và Hội đồng Khoa học và Đào tạo thể hiện rõ việc đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị. Hội đồng trường cần có chính sách đủ mạnh để có thể tạo bước chuyển biến tích cực về công tác NCKH trong cán bộ, giảng viên.

3. Cần sớm thành lập Bộ phận/cán bộ Thanh tra và Bộ phận/cán bộ Pháp chế chuyên trách. Triển khai xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác thanh tra và pháp chế cho từng năm học; cần thúc đẩy những hoạt động kết nối các bên liên quan sao cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học thực sự chia sẻ những giá trị cốt lõi của Nhà trường; cần đổi mới công tác rà soát về tổ chức bộ máy, chú trọng phân tích, đánh giá và đề xuất nhu cầu cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lí.

4. Khảo sát rộng rãi hơn trong xã hội về nhu cầu nguồn nhân lực để bổ sung cho cho chiến lược phát triển Nhà trường đảm bảo đạt được sứ mạng, tầm nhìn, cũng như các mục tiêu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Định kì rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn để có sự điều chỉnh kịp thời. Xây dựng qui trình theo dõi thực hiện kế hoạch chiến lược và các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn.

5. Cần tổ chức tập huấn kĩ để nâng cao chất lượng văn bản ban hành và hiệu quả thực hiện; tổ chức giám sát tốt và có báo cáo chi tiết hàng năm để giúp điều chỉnh chính sách phù hợp; nâng cao hiệu quả rà soát, đánh giá chính sách; rà soát đánh giá hàng năm

về việc thực hiện chính sách và tổng hợp, phân tích đầy đủ dữ liệu làm căn cứ đề xuất cải tiến.

6. Cần hướng dẫn các đơn vị báo cáo đánh giá đầy đủ nhu cầu nhân lực làm căn cứ xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực và bổ nhiệm sắp xếp cán bộ; xây dựng bản mô tả năng lực của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau và ban hành tiêu chuẩn năng lực nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên; đẩy mạnh việc số hóa trong quản lý nhân sự.

7. Cần có kế hoạch đầu tư phát triển Thư viện, mở rộng diện tích, tăng đầu sách, thực hiện số hóa và mở rộng liên kết dữ liệu; thiết lập dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy trực tuyến; thường xuyên khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng của Thư viện để cài tiến nâng cao chất lượng thư viện.

8. Cần xây dựng riêng Kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm; hệ thống hoá các văn bản, qui trình, biểu mẫu liên quan đến hoạt động hợp tác, đối ngoại một cách bài bản; cần tăng cường hơn nữa công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên và người học để có thể đáp ứng yêu cầu hội nhập cũng như thực hiện sứ mệnh “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao”; nên văn bản hóa các tiêu chí rà soát lựa chọn các đối tác trong hoạt động đối ngoại cùng với xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả các mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

#### + Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

9. Tổ chức rà soát chính sách và kế hoạch DBCL đảm bảo có sự tham gia đề xuất và/hoặc góp ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và xây dựng các KPIs cụ thể để dễ dàng giám sát, đánh giá; tổ chức phổ biến Chiến lược DBCL và kế hoạch DBCL một cách đa dạng nhằm làm cho các bên liên quan hiểu rõ và đồng hành cùng Nhà trường trong việc triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động này; rà soát hệ thống qui trình rà soát các chính sách, qui trình và thủ tục DBCL trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; thực hiện việc rà soát và cải tiến qui trình lập kế hoạch các hoạt động một cách toàn diện hơn.

10. Cần nhanh chóng lập kế hoạch TĐG CTĐT và đăng ký ĐGN CTĐT theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm để chuyên nghiệp hóa đội ngũ đảm trách công tác DBCL của Nhà trường; có kế hoạch cử ít nhất 03 CB đi bồi dưỡng kiểm định viên KĐCLGD và ít nhất 01 CB được cấp thẻ kiểm định viên như qui định; tăng cường giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau TĐG, báo cáo kết quả cải tiến chất lượng hàng năm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

11. Cần ban hành cơ chế, qui định liên kết các đầu mối quản lý thông tin thành hệ thống thống nhất; xây dựng phần mềm quản lý thông tin tổng thể để việc truy cập thông

tin được thuận tiện, hỗ trợ việc ra quyết định được hiệu quả; tăng cường việc khảo sát ý kiến các bên liên quan định kì, đầy đủ làm cơ sở cho việc rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động của Trường; đổi mới về nội dung bảng hỏi phù hợp với từng đối tượng khảo sát, thay thế thang khảo sát 4 bậc bằng thang Likert 5 bậc; chú trọng thu thập dữ liệu về hoạt động PVCD, phân tích, đổi sách để hỗ trợ cho hoạt động này.

12. Cần chi tiết hóa kế hoạch cải tiến và ĐBCL bằng các chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tính khả thi; xây dựng đầy đủ các biểu mẫu phục vụ việc thống kê, báo cáo kết quả đổi sánh; cần chọn một số đối tác đổi sánh có mức độ chất lượng cao hơn mức của Trường hiện tại để đẩy nhanh việc nâng cao chất lượng; rà soát và cụ thể hóa văn bản qui định về qui trình rà soát, điều chỉnh qui trình, sử dụng các thông tin so chuẩn và đổi sánh chất lượng; đẩy mạnh việc chia sẻ kết quả phân tích so chuẩn và đổi sánh chất lượng giữa các đơn vị.

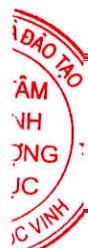
+ Về *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

13. Cần chi tiết hóa tiêu chí tuyển sinh cho từng khối ngành; phân tích và đánh giá nhu cầu xã hội thông qua phân tích dữ liệu tuyển sinh và tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cải tiến công tác thông tin truyền thông để thu hút người học hiệu quả hơn nữa.

14. Cần rà soát, điều chỉnh, tích hợp các văn bản hiện có thành một văn bản hoàn chỉnh về qui trình xây dựng CTĐT mới, qui trình rà soát điều chỉnh CTĐT, qui trình xây dựng mới và điều chỉnh chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết học phần; xây dựng các mẫu biểu có liên quan để thực hiện thống nhất đối với tất cả các bậc học; sớm điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ để phù hợp với qui định hiện hành; ban hành bản mô tả CTĐT và bản chương trình dạy học có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

15. Cần sớm xây dựng hướng dẫn chi tiết về việc xác định, lựa chọn các hình thức dạy và học để phù hợp với triết lí giáo dục đã ban hành cũng như để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; tiếp tục quán triệt để cán bộ, giảng viên và người học hiểu rõ nội hàm của triết lí giáo dục và vận dụng triết lí này trong mọi hoạt động đào tạo của Nhà trường; đầu tư kinh phí để hỗ trợ hoạt động NCKH của cán bộ và người học; có giải pháp mạnh hơn để có nhiều sinh viên được làm khoá luận tốt nghiệp, góp phần tích cực hơn vào thúc đẩy năng lực học tập suốt đời của người học; điều chỉnh phương thức tổ chức đào tạo hệ liên thông cấp bằng chính qui, liên kết đào tạo, đào tạo văn bằng hai, đào tạo ngoại ngữ theo đúng qui định của Bộ GD&ĐT; tiếp tục đa dạng hoá hình thức và đổi mới phương pháp tổ chức dạy - học.

16. Cần rà soát, ban hành lại một văn bản hoàn chỉnh qui định/hướng dẫn chi tiết về công tác kiểm tra, đánh giá (cho tất cả các loại hình và bậc đào tạo) và hướng dẫn về việc lựa chọn các loại hình kiểm tra, đánh giá người học tương thích với chuẩn đầu ra của học phần cũng như chuẩn đầu ra của CTĐT; cần thực hiện phân tích kết quả thi, kiểm tra



của người học để đánh giá mức độ phù hợp của phương pháp kiểm tra, đánh giá đã thực hiện với mục tiêu đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đánh giá sự tương thích giữa hình thức thi kiểm tra với hình thức dạy-học, sự tương thích giữa điểm tiến trình với điểm thi kết thúc học phần để có những cải tiến kịp thời. Cần xây dựng hướng dẫn chi tiết (rubric) về đánh giá kết quả đối với các học phần thực hành, khoá luận tốt nghiệp, tiểu luận.

17. Cần tổ hợp thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ dựa trên các tiêu chí đã sử dụng khảo sát và thực hiện rà soát, cập nhật định kì để việc đánh giá, đo lường hoạt động hỗ trợ người học một cách hệ thống; cần xây dựng quỹ học bổng khuyến khích học tập đảm bảo đạt 2% quỹ học phí theo Thông tư 31/2013 ngày 1/8/2013 của Bộ GD&ĐT.

18. Cần điều chỉnh, cập nhật qui chế quản lý NCKH; cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động NCKH; chú trọng các nguồn kinh phí cho khoa học công nghệ (KHCN); tăng tỉ lệ chi cho hoạt động NCKH, đảm bảo đạt mức kinh phí phân bổ cho NCKH theo qui định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ; cần quan tâm hơn nữa cho hoạt động NCKH của người học; tăng cường kết nối với các nhà khoa học, với các viện nghiên cứu, với các doanh nghiệp để đẩy mạnh hoạt động KHCN và tăng cường công bố trong nước và quốc tế, tăng các đề tài NCKH của giảng viên và người học.

19. Cần ban hành hướng dẫn cụ thể hơn về việc hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên và người học và hỗ trợ thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tăng cường năng lực cho các bộ chuyên viên phụ trách về công tác quản lý sở hữu trí tuệ; có kế hoạch và tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ hằng năm; rà soát lại tất cả các văn bản hiện hành, các qui trình nghiệp vụ về công tác NCKH của giảng viên và người học liên quan đến sở hữu trí tuệ để cập nhật, bổ sung.

20. Cần bổ sung các chỉ số KPIs cụ thể trong chiến lược và kế hoạch hợp tác KHCN với các đối tác trong và ngoài nước; bổ sung các tiêu chí trong việc xây dựng các chính sách, các qui định về hình thức, nội dung, cơ chế hợp tác và đai ngộ để khuyến khích nhà khoa học và cá nhân tham gia và tích cực khai thác các hợp tác trong nước, quốc tế; đánh giá hoạt động hợp tác với các đối tác hiện tại để có phương hướng phát huy tính hiệu quả của các đối tác hiện có, đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển các đối tác tiềm năng.

21. Cần tập trung việc xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động, theo dõi giám sát quá trình triển khai các hoạt động kết nối và PVCD cho một đơn vị đầu mối; thực hiện đối sánh kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng với các cơ sở giáo dục khác để có thể đưa ra được các biện pháp cải tiến triệt để và hiệu quả cả về loại hình, khối lượng, cách thức triển khai, quản lý, giám sát.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*

22. Cần bổ sung số liệu dự đoán tỉ lệ sinh viên thôi học, tỉ lệ sinh viên học lại, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của tất cả các CTĐT và kế hoạch năm học; thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu giữa các nhà tuyển dụng với người học nhằm giúp cho người học nắm được nhu cầu của thị trường lao động để chủ động nâng cao kiến thức và các kỹ năng đáp ứng tốt nhất những yêu cầu đó ngay sau khi ra trường; hoàn thiện hướng dẫn về công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của sinh viên sau tốt nghiệp; kết quả khảo sát cần được đối sánh với chuẩn đầu ra, đối sánh giữa các khóa của CTĐT và đối sánh với các trường đại học khác cùng ngành.

23. Cần cải tiến và định hướng câu lạc bộ sinh viên NCKH, phát huy các tổ chức hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp; tổ chức triển khai tuần sinh viên NCKH, tổ chức hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa/viện, cấp trường; tổ chức trao giải thưởng sinh viên NCKH...; xác định cụ thể loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả trích dẫn; có chính sách khuyến khích, tăng đầu tư để tăng thêm số lượng công bố khoa học.

24. Cần ban hành qui trình giám sát và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác về hoạt động kết nối và PVCĐ nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động kết nối và PVCĐ; định kì triển khai công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ.

25. Cần cần tiến hành rà soát, bổ sung, cập nhật các qui định cụ thể về kết quả (thị trường) và các chỉ số thị trường giáo dục. Các chỉ số này có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong các bảng xếp hạng cạnh tranh quốc gia/quốc tế, qui mô thị trường hoặc thị phần, giải thưởng và sự hài lòng của các bên liên quan.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

-----